

# NHÌN LẠI CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH THEO ĐỊNH HƯỚNG TOEIC DÀNH CHO SINH VIÊN KHỐI KỸ THUẬT SAU 7 NĂM THỰC HIỆN (2009-2016) TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT

PHẠM THÁI HÀ - PHẠM NGỌC THÁI HÒA - TRẦN THỊ OANH\*

Ngày nhận bài: 11/03/2017; ngày sửa chữa: 14/03/2017; ngày duyệt đăng: 24/03/2017.

**Abstract:** Since the academic year 2009-2010, Hanoi University of Science and Technology has adopted the testing system of English proficiency for regular technical students following the standard of TOEIC (Test of English for International Communication). After seven years of implementation, the authors would like to learn the advantages and disadvantages of the program in order to offer appropriate recommendations for the University and establish a comprehensive program to improve English proficiency for students. This study is a synthesis of ideas from lecturers, full-time students combined with the results of the research project at the university level.

**Keywords:** English program, TOEIC-oriented, technical students.

## 1. Giới thiệu chung

Ngày nay, việc sử dụng các bài thi Tiếng Anh quốc tế để đánh giá năng lực tiếng Anh của sinh viên (SV) tại các trường đại học trên thế giới cũng như để nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ngày càng trở nên phổ biến [1]. Nhiều quốc gia trên thế giới đã ban hành các chuẩn đánh giá khác nhau trong hệ thống giáo dục quốc dân để khuyến khích thay đổi chất lượng dạy và học tiếng Anh như TOEIC, hay chuẩn nội bộ 6 bậc của Bộ GD-ĐT theo Khung tham chiếu trình độ ngôn ngữ chung của Châu Âu (CEFR) [2] [3] [4]. Tại Việt Nam, Bộ GD-ĐT xây dựng Đề án Ngoại ngữ Quốc gia nhằm mục tiêu từ nay tới năm 2020 nâng cao chuẩn dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Từ năm học 2009-2010, Trường Đại học Bách khoa (ĐHBK) Hà Nội đã áp dụng hệ thống kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh theo chuẩn TOEIC - tiếng Anh trong giao tiếp quốc tế. Theo đó, SV năm thứ nhất được kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào bằng bài thi Nghe và Đọc TOEIC. Dựa trên kết quả phân loại, nhóm SV đạt dưới 250 điểm tham gia học môn *Tiếng Anh 1*, nhóm SV đạt từ 250 - dưới 300 điểm tham gia học môn *Tiếng Anh 2*. Nhóm SV từ 300 điểm trở lên phải tự lên kế hoạch học tập, sau mỗi năm phải đạt được một mức điểm TOEIC nhất định và trước khi hoàn thành đồ án, phải đạt chứng chỉ 450 TOEIC nội bộ.

Sau 7 năm thực hiện chương trình Tiếng Anh theo chuẩn TOEIC, chúng tôi mong muốn tìm hiểu những điểm mạnh và điểm yếu của chương trình hiện hành. Mục đích là để có những đề xuất phù hợp đối với nhà

trường, từ đó có một chương trình nâng cao toàn diện năng lực tiếng Anh cho SV. Chúng tôi không đánh giá tổng quan một chương trình đào tạo đã triển khai 7 năm, mà đơn thuần là một bản tổng hợp các ý kiến từ góc nhìn của chính những người trực tiếp tham gia chương trình này, bao gồm: giảng viên (GV), SV chính quy kết hợp với kết quả của các đề tài nghiên cứu cấp Trường đã được thực hiện.

## 2. Một số kết quả bước đầu

Đánh giá là quá trình thu thập dữ liệu về một chương trình nào đó để xác định xem chương trình đó có giá trị hay không nhằm đưa ra quyết định chỉnh sửa, cải tiến hay từ bỏ chương trình. Oliva (1988) [5] định nghĩa đánh giá chương trình là quá trình thu thập và cung cấp thông tin để đưa ra những quyết định điều chỉnh. Quyết định điều chỉnh sẽ được xem xét dựa trên các kết quả đánh giá: nên tiếp tục duy trì chương trình hiện tại hay nên chỉnh sửa hoặc từ bỏ chương trình hiện tại.

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** Theo Sowell [6], ở giai đoạn đánh giá, thông tin sẽ được thu thập từ SV, GV và các nhà quản lí. Thông tin thu thập được từ GV sẽ cho biết chương trình đang được triển khai ra sao, bộc lộ những ưu điểm, nhược điểm gì và những vướng mắc gặp phải trong quá trình dạy học. Thông tin thu thập từ SV sẽ cho biết SV có đạt được những mục tiêu đề ra hay không đồng thời cho biết thái độ của SV đối với môn học.

Chính vì vậy, với nỗ lực mong muốn có một cái nhìn khách quan từ phía GV và người học - hai đối

\* Viện Ngoại ngữ - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

tương chính chịu tác động của chương trình đào tạo, chúng tôi tập trung khảo sát ý kiến của nhóm GV dạy tiếng Anh cho SV khối kĩ thuật và SV từ khoá 54-59 vốn có nhiều trải nghiệm với chương trình này.

**2.2. Phân tích kết quả.** Trong tổng số 25 phiếu phát ra cho GV, chúng tôi nhận được 18 phiếu trả lời và với phiếu khảo sát trực tuyến sử dụng Google Form gửi cho SV từ K54-K59, chúng tôi nhận được 117 phản hồi.

**2.2.1. Một số ưu điểm của chương trình tiếng Anh theo định hướng TOEIC.** Điều đầu tiên có thể khẳng định khi áp dụng chuẩn TOEIC 450 vào đối với SV Trường ĐHBK Hà Nội chính là thể hiện quyết tâm của lãnh đạo nhà trường trong việc đưa một bài đánh giá năng lực quốc tế vào để nâng cao năng lực tiếng Anh của SV.

- Bài thi đầu vào đáp ứng yêu cầu phân loại năng lực SV: Với bài thi có thang điểm rộng như TOEIC, việc đưa ra tiêu chí phân loại giúp SV được học theo đúng năng lực của mình [7]. Nhóm SV có điểm cao được miễn học tiếng Anh và được phân loại vào các chương trình đào tạo đặc biệt như chương trình tiên tiến hay chương trình Việt Nhật, còn nhóm SV có kết quả thấp dưới 300 được xếp lớp học tiếng Anh từ đầu để có nền tảng tốt hơn. Vì vậy, trình độ tiếng Anh của SV trong một lớp khá đồng đều, giúp cho việc dạy và học hiệu quả hơn; hơn nữa việc phân loại giúp SV tiết kiệm tiền và thời gian hơn.

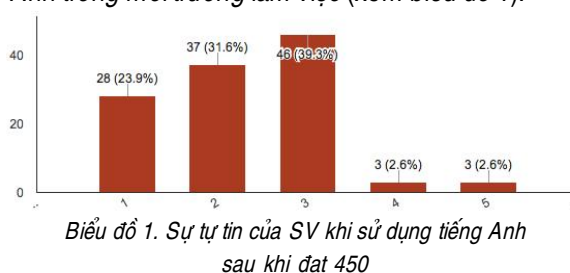
- *Bài thi phân loại có thời gian triển khai nhanh:* Với điều kiện của Trường ĐHBK Hà Nội, mỗi kì thi phân loại đầu vào môn *Tiếng Anh* có tới khoảng 5000 SV tham dự và chỉ trong vòng một tuần cần có kết quả xếp lớp. Chính vì vậy, bài thi TOEIC với cấu trúc trắc nghiệm 100% cho phép nhà trường và bên quản lí chuyên môn có thể tổ chức một kì thi cơ bản và thực hiện chấm thi nhanh, ít sai sót so với thi tự luận của các format bài thi khác. Điều này giúp cho việc xếp lớp để SV tham gia học và phân loại nhóm SV vào các chương trình đào tạo đặc biệt được cải thiện.

- *Môn Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2 xây dựng lại kiến thức nền và nâng cao ý thức học cho SV:* Theo 20% số SV tham gia khảo sát (đều thuộc nhóm phải học các môn bắt buộc), việc học các môn *Tiếng Anh 1* và *Tiếng Anh 2* giúp SV có thêm động lực vì được học lại một cách bài bản đối với môn *Tiếng Anh* trong cả 4 kĩ năng.

**2.2.2. Những điểm cần khắc phục của chương trình tiếng Anh theo định hướng TOEIC.** Bên cạnh những ưu điểm nói trên, chương trình tiếng Anh hiện hành bộc lộ nhiều điểm cần khắc phục và điều đáng quan ngại

nhất chính là việc tập trung kiểm tra kĩ năng thụ động (Nghe - Đọc) trong bài thi TOEIC nội bộ.

- *Bài thi TOEIC chưa giúp SV tự tin sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc (xem biểu đồ 1).*



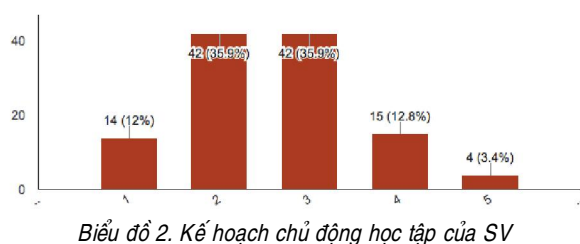
Có thể thấy, chỉ có khoảng 5% SV tự tin sau khi đạt điểm thi TOEIC 450 đầu ra, phần lớn SV thừa nhận rất không tự tin (mức 1) và không tự tin (mức 2) khi giao tiếp. Lí giải cho điều này, SV tham gia khảo sát đều thừa nhận các em chỉ "*tập trung ôn cho qua TOEIC, chứ không phải học để sử dụng được*". Hay như chia sẻ của một SV khác: "*Học một ngôn ngữ thì điều cơ bản và quan trọng nhất là người học biết cách giao tiếp bằng ngôn ngữ đó.*"

Điều này cũng hoàn toàn được chia sẻ qua phần khảo sát với nhóm GV. 100% GV tham gia khảo sát đều bày tỏ sự e ngại về việc SV có thể sử dụng được tiếng Anh trong môi trường làm việc. Có thể dễ dàng nhận thấy bởi bài thi đầu ra chỉ kiểm tra 02 kĩ năng nghe và đọc, nên SV khi tốt nghiệp khó có thể giao tiếp tốt bằng tiếng Anh.

Đáng chú ý là điều này cũng được nhấn mạnh qua các cuộc phỏng vấn 05 nhà tuyển dụng về năng lực sử dụng tiếng Anh của cựu SV Trường ĐHBK Hà Nội khi tham gia thị trường lao động [7]. Qua đó bộ phận nhân sự các công ty thừa nhận nhân viên có năng lực giao tiếp hạn chế và rất ít người có thể tự tin sử dụng tiếng Anh. 100% các nhà tuyển dụng khi được hỏi "gợi ý gì cho chương trình đào tạo tiếng Anh ở Trường ĐHBK Hà Nội để chương trình có thể đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của công ty" đều trả lời họ chú trọng khả năng giao tiếp.

- *SV thiếu chủ động trong việc tự lập kế hoạch học tập sau khi hoàn thành 02 học phần tiếng Anh cơ bản.* Thực tế, để đạt chuẩn 450 điểm TOEIC, SV cần có một lộ trình học tiếng Anh bài bản và thực tế lộ trình này đã được đưa ra trong nhiều cuộc họp chuyên môn với lãnh đạo nhà trường. Trong lộ trình này, Bộ môn *Tiếng Anh* khối Kĩ thuật chỉ dạy 02 học phần cho SV có điểm dưới 300 TOEIC. Sau khi hoàn thành 02 học phần *Tiếng Anh* cơ bản, nhiều SV không tiếp tục chủ động đưa ra kế hoạch học nâng cao trình độ, chính vì vậy nhiều SV không đạt chuẩn quy định hàng năm cũng như chuẩn khi ra trường. Bản thân nhiều

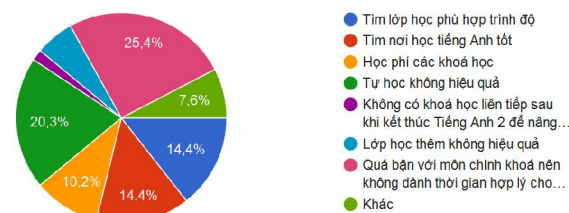
SV cũng thừa nhận trong phân khảo sát là việc học hai môn này “hoàn toàn chưa đủ để SV học tốt tiếng Anh” (xem biểu đồ 2).



Điều này phản ánh hoàn toàn đúng qua kết quả khảo sát. Dựa vào biểu đồ trên, có thể thấy có tới gần 50% không có kế hoạch tự học thường xuyên (mức 1 và 2). Chỉ có một tỉ lệ rất nhỏ (khoảng 17%) SV chủ động lên kế hoạch học tập cho mình với môn tiếng Anh.

Trong khi đó nếu ngoại ngữ không được học liên tục sẽ khiến năng lực của người học bị giảm hoặc mất hoàn toàn. Chính vì vậy, một số SV chia sẻ qua khảo sát như sau: “Tiếng Anh chỉ bắt buộc đối với SV năm nhất khi các bạn chưa qua 300 TOEIC, sau đó thì chúng em phải tự học bên ngoài. Em thấy như vậy rất khó để chúng em có thể định hướng nên đi theo hướng nào”. Điều này đòi hỏi cần có những hành động cụ thể để hỗ trợ SV tốt hơn.

- Những khó khăn khác của SV. Khi được hỏi về những khó khăn SV gặp phải trong việc học để nâng cao trình độ tiếng Anh để đạt chuẩn TOEIC hàng năm, những khó khăn lớn nhất là quá bận với các môn học chính khóa (25,4%), tự học không hiệu quả (20,3%), tìm nơi học tiếng Anh tốt (14,4%) và tìm lớp học tiếng Anh phù hợp (14,4%). Ngoài ra, các em còn gặp các khó khăn về học phí, về việc các lớp học thêm không hiệu quả và không có các lớp học tiếp tục sau hai học phần cơ bản tiếng Anh 1 và tiếng Anh 2 (xem biểu đồ 3).



Biểu đồ 3. Khó khăn của SV khi học nâng cao tiếng Anh

### 3. Một số đề xuất

#### 3.1. Thay đổi hình thức kiểm tra, đánh giá:

Chúng tôi đề xuất đưa thêm kĩ năng Nói và Viết vào bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh của SV (kiểm tra đầy đủ 04 kĩ năng). Đây chính là động lực lớn buộc người học phải nỗ lực luyện tập thường xuyên, học

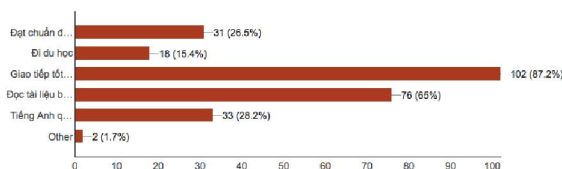
đồng đều, không bị học lệch, không chỉ chú trọng vào các kĩ năng thụ động (đọc và nghe). Chúng ta có thể sử dụng chuẩn đánh giá bậc 3 trong khung năng lực 6 bậc của Bộ hoặc chuẩn B1 theo khung 6 bậc châu Âu.

#### 3.2. Có lộ trình rõ ràng hơn, đưa thêm các học phần Tiếng Anh với trình độ từ cơ bản tới đạt chuẩn đầu ra cho SV lựa chọn:

Theo khảo sát SV, có đến 70% các em được hỏi gặp khó khăn trong việc nâng cao trình độ tiếng Anh sau khi hoàn thành 02 khóa học cơ bản. Khó khăn chủ yếu là tìm các lớp học và nơi học tốt, phù hợp trình độ, tự học không hiệu quả, lớp học thêm không hiệu quả, khả năng tài chính... Vì vậy, chúng tôi đề xuất chương trình học Tiếng Anh với 05 học phần từ trình độ 1 đến 3 (khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GD-ĐT). Các học phần sẽ giúp SV có nhu cầu học được học liên tục, không phải lo tìm lớp phù hợp ngoài trường cũng như được học đầy đủ 04 kĩ năng trong các học phần, định hướng cho SV sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc, đặc biệt là tự tin trong giao tiếp.

#### 3.3. Mở thêm các môn học đáp ứng nhu cầu đa dạng của SV:

Khi được hỏi hiện nay SV Trường ĐHBK Hà Nội học tiếng Anh với những mục đích gì, có thể thấy rằng chỉ có 26,5% SV mong muốn đạt chuẩn đầu ra và 28,2% cho rằng tiếng Anh quan trọng, còn phần lớn SV lựa chọn học tiếng Anh với mong muốn có thể giao tiếp tốt và đọc tài liệu chuyên môn hiệu quả. Bên cạnh đó cũng có 18/117 SV mong muốn đi du học (xem biểu đồ 4).



Biểu đồ 4. Mục đích học của SV

Vì vậy, để hỗ trợ SV tốt hơn, chúng tôi đề xuất nhà trường cho mở các môn học mới đáp ứng nhu cầu đa dạng của SV. Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy SV đánh giá rất cao các môn tự chọn hiện nay như Kỹ năng thuyết trình và cũng đề xuất có các môn học khác tự chọn như Tiếng Anh chuyên ngành để các em có thể “đọc hiểu tài liệu chuyên ngành” và “đáp ứng yêu cầu khi làm việc”. Chúng tôi đã xây dựng một số môn học mới nhằm giúp SV có thể sử dụng tiếng Anh thực tế hơn dựa theo đề xuất từ phía nhà tuyển dụng [8] như: Tiếng Anh trong môi trường làm việc, Kỹ năng viết tiếng Anh trong kĩ thuật, Tiếng Anh chuyên ngành. Nếu những

(Xem tiếp trang 112)

Song song với những ý kiến trên, một số GV cho rằng sau một quá trình học nhất định, cần giảm dần TV và phát huy tiếng Anh nhiều hơn bởi: “Việc sử dụng TV trong lớp học làm giảm thời lượng sử dụng tiếng Anh của SV là điều tất yếu. Chỉ “môi trường học tiếng Anh” mới có thể thúc đẩy việc học ngôn ngữ”. Lí giải cho điều này, GV cho rằng tiếng Anh có thể được sử dụng để tạo động lực cho SV.

Rõ ràng, quan niệm của GV xuất phát từ cơ sở lí thuyết và thực nghiệm. Từ quan điểm văn hóa - xã hội, TV là công cụ trung gian giúp GV thực hiện việc giảng dạy được hiệu quả. Sử dụng TV có thể hỗ trợ việc học tiếng Anh, do vậy cần sử dụng nó trong các lớp học ngoại ngữ.

**4.2. Một số lưu ý về việc sử dụng TV trong lớp tiếng Anh.** Tuy nhiên, các GV cũng lưu ý rằng, việc lạm dụng TV trong lớp học có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tiếng Anh của SV. Quan trọng hơn, GV cho rằng, sử dụng TV gây ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen của SV trong việc lựa chọn ngôn ngữ để sử dụng trong lớp học, làm giảm trình độ tiếng Anh của GV. Do đó, GV cho rằng cần có sự cân bằng trong việc sử dụng hai ngôn ngữ trong lớp học.

### 5. Kết luận

Có thể thấy, GV ủng hộ việc dùng TV trong lớp dạy tiếng Anh cho khỏi không chuyên tại Trường ĐHBKHN. Tất cả GV tham gia phỏng vấn đều đã sử dụng TV trong lớp học như một phương pháp sư phạm. Cuối cùng, các GV đều có chung quan điểm về việc bảo đảm thời lượng sử dụng L2 trong lớp học. Theo Piasecka: Sử dụng 2 thứ tiếng trong giảng dạy không có nghĩa là quay trở lại với phương pháp Học ngữ pháp - Dịch. Thay vào đó, đây chính là cách nhìn thừa nhận rằng tư duy, cảm xúc và quan điểm nghệ thuật của mỗi người đều bắt nguồn từ tiếng mẹ đẻ của người đó. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Cook, V (2001). *Language in the classroom Second language learning and language teaching* (3 ed., pp. 141-158). London: Arnold.
- [2] Butzkamm, W (2003). *We only learn language once. The role of the mother tongue in FL classrooms: death of a dogma.* The Language Learning Journal, 28(1), 29-39.
- [3] E Ellis, E.M (2007). *Discourses of LI and bilingual teaching in adult ESL.* TESOL in Context, 16(2), 5-10.
- [4] Widdowson, H.G (2003). *Bilingualization and localized learning Defining issues in English language teaching* (pp. 149-164): Oxford University Press.
- [5] Pavlenko, A (2002). *Poststructuralist approaches to the study of social factors in second language*

*learning and use.* In V. Cook (Ed.), *Portraits of the L2 user* (pp. 277-302): Multilingual Matters.

[6] Cook, V (1999). *Going beyond the native speaker in language teaching.* TESOL Quarterly, 33(2), 185-209.

[7] Pennycook, A (1994). *ELT from development aid to global commodity The cultural politics of English as an international language* (pp. 145-182): Longman.

[8] Turnbull, M., & Arnett, K (2002). *Teachers' uses of the target and first languages.*

## Nhìn lại chương trình tiếng Anh...

(Tiếp theo trang 123)

môn học này được mở dưới dạng môn học tự chọn sẽ đáp ứng nhu cầu học của SV tốt hơn.

\*\*\*

Một chương trình học sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi kết hợp được vai trò của nó trong bối cảnh chung với chiến lược phát triển của nhà trường. Với sự quan tâm của Ban Giám hiệu nhà trường cùng với những chính sách thiết thực nhằm nâng cao khả năng ngoại ngữ cho SV, chắc chắn chất lượng của việc dạy và học tiếng Anh cho SV khối kĩ thuật ở Trường ĐHBK Hà Nội sẽ đạt những kết quả khả quan. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Cheng, L. (2005). *Changing language teaching through language testing - a washback study* (Vol. 21): Cambridge University Press.
- [2] Muñoz, A. P., & Álvarez, M. E. (2010). *Washback of an oral assessment system in the EFL classroom.* Language Testing, 27(1), 33-49.
- [3] Shih, C.-M. (2009). *How tests change teaching: A model for reference.* English Teaching: Practice and Critique, 8(2), 188-206.
- [4] Spratt, M. (2005). *Washback and the classroom: the implications for teaching and learning of studies of washback from exams.* Language Teaching Research, 9(1), 5-29.
- [5] Oliva, F.P (1988). *Developing the curriculum Glenview, Ill. : Scott, Foresman/Little, Brown College Division, ©1988.*
- [6] Sowell, E. (2000). *Curriculum: An integrative introduction.* Upper Saddle River, NJ: Prentice-Hall.
- [7] Lương Thanh Mai (2012). *Đánh giá chương trình tiếng Anh theo chuẩn TOEIC. Đề tài nghiên cứu cấp trường, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.*
- [8] Nguyễn Hạnh Đào (2015). *Đánh giá trình độ tiếng Anh (BEI) của sinh viên Kỹ thuật Trường Đại học Bách khoa Hà Nội năm cuối và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Đề tài nghiên cứu cấp trường, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.*